

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/DS-PT  
Ngày: 11-8-2020  
V/v tranh chấp bồi thường thiệt  
hại do sức khỏe bị xâm phạm

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Trung.

Ông Huỳnh Đắc Dương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLPT-DS, ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 188/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: số 3/23 đường S, khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị N:* Ông Lâm Khắc S, sinh năm 1977 theo văn bản ủy quyền ngày 13/11/2019 (có mặt).

Địa chỉ: số 34 đường Kiên Thị N, khóm C, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn K, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 3/23 đường S, khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Công ty B, có trụ sở tại: số 18 đường N, khóm C, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện hợp pháp cho Công ty B: Ông Lâm Thanh C – Giám đốc Công ty B (xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1957 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 116/3, ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn trong vụ án.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2019 và lời khai của ông Lâm Khắc S là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay trình bày: Vào khoảng 6 giờ 45 phút ngày 11/01/2019 bà N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 84H9 – 0796 từ khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh đi Thành phố Cần Thơ, trên đường đi đến Hương lộ 6 hướng từ xã P đi xã H của huyện C, bà N điều khiển xe chạy với tốc độ khoảng 35 km/h bên phải phần đường của bà N thì bất ngờ có một chiếc xe ô tô tải do ông Phan Văn K chạy ngược chiều từ xã H đi xã P khoảng cách còn 02 mét xe ô tô tải chạy qua phần đường của bà N đang điều khiển xe, do khoảng cách quá gần bà N không tránh được nên xe ô tô tải đụng vào xe mô tô của bà N. Tai nạn xảy ra, bà N được đưa đến bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh điều trị với tỷ lệ thương tích là 41%. Việc xảy ra tai nạn, là do lỗi của xe ô tô tải. Nên bà N yêu cầu ông K phải bồi thường chi phí thiệt hại cho bà N với tổng số tiền là 221.706.320 đồng, gồm các khoản: Chi phí điều trị 7.706.320 đồng, tiền trông rảnh 48.000.000 đồng, chi phí tập vật lý trị liệu 9.000.000 đồng, tiền thu nhập bị mất 60.000.000 đồng, tiền thuê người nuôi bệnh 27.500.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 69.500.000 đồng.

Theo bị đơn ông Phan Văn K, trình bày: Ngày 11/01/2019, ông điều khiển xe ô tô tải, biển số kiểm soát 84L – 2668 chở ống nước từ ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh đi thành phố T, đến 07 giờ cùng ngày khi xe đang chạy từ hướng xã H đi xã P thuộc huyện C thì có một xe mô tô từ trong lề bên phải của hướng xe ông đang điều khiển chạy ra lộ, do khoảng cách gần nên ông điều khiển xe lấn qua bên trái phần đường hướng xe đang đi, dẫn đến va chạm với xe mô tô của bà Nguyễn Thị N nên ông đồng ý bồi thường các khoản chi phí hợp lý theo quy định của pháp luật cho bà N.

Tại Công văn số: 72/2020-BMTV/BT ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Công ty B cho rằng, tại thời điểm xảy ra tai nạn xe ô tô tải biển số kiểm soát 84L- 2668 của ông Phan Văn K không tham gia bảo hiểm tại Công ty B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, đã tuyên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Phan Văn K có nghĩa vụ bồi thường số tiền 103.106.320 đồng cho bà Nguyễn Thị N, được trừ đi số tiền giao trước 6.000.000 đồng. Số tiền còn lại phải bồi thường là 97.106.320 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với số tiền chênh lệch 71.400.000 đồng so với đơn khởi kiện ban đầu.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với số tiền yêu cầu bồi thường là 47.200.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/5/2020, bà Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu ông Phan Văn K tăng mức bồi thường lên cho bà hai khoản tiền bao gồm, tiền trông răng là 16.000.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần 31.290.000 đồng, tổng hai khoản tiền là 47.290.000 đồng.

Ngày 11/6/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 06/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

- Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N giữ nguyên kháng cáo.

- Bị đơn ông Phan Văn K không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh giữ nguyên kháng nghị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét kháng cáo của bà N là có căn cứ nên chấp nhận một phần về bồi thường tiền tổn thất tinh thần tăng lên 25 tháng lương cơ sở; Đối với tiền làm răng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, buộc ông K bồi thường tiền làm răng cho bà N là 48.000.000 đồng. Giữ nguyên quyết định kháng nghị số: 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 11/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh và một phần kháng cáo của bà N, sửa bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh còn trong hạn luật định hợp lệ, nên được chấp nhận.

[2] Ông Lâm Thanh C là người đại diện hợp pháp cho Công ty B, bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có kháng cáo, có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Lâm Thanh C, bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Văn H.

Về nội dung vụ án:

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu ông Phan Văn K tăng mức bồi thường cho bà hai khoản tiền bao gồm, tiền trông răng là 16.000.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần 31.290.000 đồng, tổng hai khoản tiền là 47.290.000 đồng.

[4] Xét kháng cáo của bà N yêu cầu ông K tăng mức bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần cho bà với số tiền 31.290.000 đồng. Xét thấy, bà N khởi kiện yêu cầu ông K bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần cho bà với số tiền 61.090.000 đồng ( $41 \text{ tháng lương cơ sở} \times 1.490.000\text{đ} = 61.090.000$ ), cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà N buộc ông K bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần cho bà với số tiền 29.800.000 đồng ( $20 \text{ tháng lương cơ sở} \times 1.490.000\text{đ} = 29.800.000$ ), bà N kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường lên 21 tháng lương cơ sở với số tiền 31.290.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận một phần. Bởi lẽ, theo báo cáo kết luận điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông ngày 15/5/2019 của Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh thì do người điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 84L-2668 đi không đúng phần đường quy định, đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn giao thông (bút lục số 113), như vậy sự việc xảy ra là hoàn toàn do lỗi của ông K, ông K là người trực tiếp thực hiện hành vi trái pháp luật, gây tổn hại sức khỏe cho bà N, đồng thời ông K cũng thừa nhận sự việc trên là lỗi hoàn toàn do ông (bút lục số 259). Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K với bà N không thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường tổn thất tinh thần. Theo quy định tại khoản 2 Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định”. Trong trường hợp này, bà N với ông K không thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần thì khi đó mức tối đa là không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Bà N yêu cầu 41 tháng

lương cơ sở tương đương số tiền là 61.090.000 đồng, cấp sơ thẩm chấp nhận cho bà 29.800.000 đồng (20 tháng lương cơ sở) là chưa phù hợp với mức độ tổn thương về tinh thần mà bà N phải gánh chịu, bởi ngoài các tổn hại về sức khỏe thì bà N chịu tổn thương về tinh thần với các vết sẹo để lại trên khuôn mặt của bà N ảnh hưởng đến thẩm mỹ. Do đó, tăng mức bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần cho bà N lên 05 tháng lương cơ sở tương đương số tiền là 7.450.000 đồng nên buộc ông K phải bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần cho bà với số tiền 37.250.000 đồng (25 tháng lương cơ sở x 1.490.000đ = 37.250.000đ).

[5] Đối với kháng cáo của bà N yêu cầu ông K tăng mức bồi thường thiệt hại cho bà tiền trông răng là 16.000.000 đồng. Xét thấy, bà N khởi kiện yêu cầu ông K bồi thường thiệt hại về tiền trông răng cho bà với số tiền 48.000.000 đồng (15 cây răng x 3.200.000đ = 48.000.000đ), cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà N buộc ông K bồi thường thiệt hại trông răng cho bà với số tiền 32.000.000 đồng (10 cây răng x 3.200.000đ = 32.000.000đ), bà N kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường lên 05 cây răng với số tiền 16.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích ngày 25/4/2019 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Trà Vinh thì bà N bị mất 10 cây răng, gồm mất răng 34, 33, 32, 31, 41, 42, cùi giả R43, R44, mất R12, cùi giả R11 và biên bản xác minh ngày 11/5/2020 tại nha khoa T nơi bà N trông răng xác nhận bà N mất 07 cây răng hoàn toàn và 03 cây răng còn chân răng, nhưng để đảm bảo thẩm mỹ và ăn uống hoạt động bình thường thì phải làm tổng cộng 15 cây răng (bút lục số 110, 111, 112, 247). Như vậy, trên thực tế bà N có làm tổng cộng 15 cây răng nên buộc ông K phải bồi thường thiệt hại cho bà N 15 cây răng với số tiền 48.000.000 đồng.

[6] Cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn bà N phải chịu án phí dân sự với số tiền 2.360.000 đồng là không đúng. Bởi lẽ, trong vụ án này các đương sự chỉ tranh chấp về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí “Người yêu cầu bồi thường về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín” nên trong trường hợp này bà N không phải chịu án phí. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh là có căn cứ để chấp nhận nên sửa án sơ thẩm về phần án phí.

[5] Từ các nhận định và phân tích trên, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà N, sửa bản án sơ thẩm.

[6] Bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590, khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Phan Văn K có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 126.556.320 đồng (*Một trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi sáu ngàn, ba trăm hai mươi đồng*) cho bà Nguyễn Thị N, gồm các khoản: Tiền công không lao động của người bệnh 16.200.000 đồng, tiền ăn của người bệnh 4.200.000 đồng, Tiền công không lao động của người nuôi bệnh 4.200.000 đồng, tiền viện phí và tàu xe 7.706.320, tiền vật lý trị liệu 9.000.000 đồng, tiền trồng răng 48.000.000 đồng, tiền bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần 37.250.000 đồng. Nhưng được trừ đi số tiền ông Phan Văn K giao trước cho bà Nguyễn Thị N 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) nên ông Phan Văn K phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số tiền còn lại cho bà Nguyễn Thị N là 120.556.320 đồng (*Một trăm hai mươi triệu, năm trăm năm mươi sáu ngàn, ba trăm hai mươi đồng*).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền, chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với số tiền chênh lệch 71.400.000 đồng (*Bảy mươi một triệu, bốn trăm ngàn đồng*) so với đơn khởi kiện ban đầu.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với số tiền yêu cầu bồi thường là 23.840.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phan Văn K phải chịu 6.027.816 đồng (*Sáu triệu, không trăm hai mươi bảy ngàn, tám trăm mười sáu đồng*).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

**Huỳnh Văn Hoàng Vân**